

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QNH_TRỪ KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: TIẾP THỊ CĂN BẢN
MÃ HỌC PHẦN : MKT - 251

ĐỢT HỌC 4
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 30/10/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	162330740	Võ Anh	Kha	B16QNH	4		6		7				6.6	6.4	Sầu pháp Bấu		
2	162350483	Nguyễn Hoài	Nam	B16QNH	5		7		6.7				5.2	5.7	Nằm pháp Bấu		
3	162520530	Lê Phan Thùy	An	B16QNH	10		8		7				7.2	7.5	Bấu pháp Nằm		
4	162520531	Hoàng Kim	Anh	B16QNH	8		5		6.7				6.4	6.5	Sầu pháp Nằm		
5	162520533	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	B16QNH	8.5		8		8.2				7.5	7.8	Bấu pháp Nằm		
6	162520534	Phạm Thị Vân	Anh	B16QNH	10		8		8.7				7.3	8.0	Tằm		
7	162520535	Phan Thị Nhật	Anh	B16QNH	10		9		8.7				8.5	8.8	Tằm pháp Tằm		
8	162520536	Nguyễn Thị Hoài	Ân	B16QNH	9.5		8		8.5				7	7.7	Bấu pháp Bấu		
9	162520538	Phạm Xuân	Bình	B16QNH	9		7		6.5				5.3	6.1	Sầu pháp Mắt		
10	162520539	Nguyễn Thị Cẩm	Châu	B16QNH	9		7		9				8.5	8.5	Tằm pháp Nằm		
11	162520540	Lê Thị Ngọc	Diễm	B16QNH	5		3		5.6				4.8	4.8	Bấu pháp Tằm		
12	162520541	Nguyễn Thị	Diệp	B16QNH	9		8		6.2				7.5	7.4	Bấu pháp Bấu		
13	162520542	Trương Thị Thùy	Diệu	B16QNH	8		8		7.5				8	7.9	Bấu pháp Chên		
14	162520545	Huỳnh Kim Cát	Dung	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
15	162520546	Phan Vũ Lê	Dung	B16QNH	10		7		7				8	7.9	Bấu pháp Chên		
16	162520547	Dương Sỹ	Dũng	B16QNH	8		6		7.5				6	6.6	Sầu pháp Sầu		
17	162520548	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	B16QNH	8		7		8.5				7	7.5	Bấu pháp Nằm		
18	162520549	Bùi Thanh Thùy	Dương	B16QNH	10		8		7.7				6.1	7.1	Bấu pháp Mắt		
19	162520550	Phan Thành	Đạt	B16QNH	7		9		5.5				7	6.8	Sầu pháp Tằm		
20	162520552	Hoàng Thị Thanh	Hà	B16QNH	4		6		5.5				4.3	4.7	Bấu pháp Bấu		
21	162520553	Nguyễn Thị Hồng	Hà	B16QNH	10		7		8.7				7	7.7	Bấu pháp Bấu		
22	162520556	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	B16QNH	8		5		8				7.4	7.4	Bấu pháp Bấu		
23	162520557	Bùi Huy	Hằng	B16QNH	8		8		8.2				6	7.0	Bấu		
24	162520558	Ngô Thị Ngọc	Hằng	B16QNH	8.5		7		7.7				6.7	7.2	Bấu pháp Hai		
25	162520559	Phan Thị Thúy	Hằng	B16QNH	10		9		7.6				8.2	8.3	Tằm pháp Ba		
26	162520561	Hà Lê Chí	Hiền	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
27	162520562	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	B16QNH	4		6		6.5				5	5.4	Nằm pháp Bấu		
28	162520564	Ngô Quang	Hòa	B16QNH	8		8		8.5				7	7.6	Bấu pháp Sầu		
29	162520568	Phan Thị Kiều	Huyền	B16QNH	9		7		7.5				8.4	8.1	Tằm pháp Mắt		
30	162520569	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	B16QNH	7		7		7				5.7	6.3	Sầu pháp Ba		
31	162520571	Phan Thanh	Huyền	B16QNH	10		7		9				6.3	7.4	Bấu pháp Bấu		
32	162520573	Phạm Nguyễn Đăng	Hưng	B16QNH	6		7		7.5				4.6	5.7	Nằm pháp Bấu		
33	162520574	Trần Anh	Hướng	B16QNH	8.5		9		6.7				6.8	7.2	Bấu pháp Hai		
34	162520575	Phạm Thị Kim	Khánh	B16QNH	10		7		7.7				6.7	7.3	Bấu pháp Ba		
35	162520578	Nguyễn Thùy	Linh	B16QNH	7		6		7.7				6.6	6.9	Sầu pháp Chên		
36	162520579	Đoàn Thanh Xuân	Loan	B16QNH	9		9		7.7				6.6	7.4	Bấu pháp Bấu		
37	162520581	Nguyễn Quốc	Long	B16QNH	8		8		7				6.3	6.8	Sầu pháp Tằm		
38	162520585	Phạm Thị Quỳnh	My	B16QNH	9		9		7				7	7.4	Bấu pháp Bấu		
39	162520586	Trần Thành	Nam	B16QNH	7		4		6.7				4.7	5.4	Nằm pháp Bấu		
40	162520587	Nguyễn Thị	Nga	B16QNH	4		0		8.5				V	0.0	Khăng		

Ngày thi: 30/10/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	162520589	Bạch Thị Kim	Ngân	B16QNH	8		5		6.6				7.5	7.1	Báý pháy Mắú		
42	162520590	Cao Thái Trang	Ngân	B16QNH	9		6		8.5				6	6.9	Sầú pháy Chề		
43	162520591	Lê Thị Hồng	Ngân	B16QNH	8.5		6		7.5				6.1	6.7	Sầú pháy Báý		
44	162520592	Trang Thục Hà	Ngân	B16QNH	7.5		8		7.6				7.3	7.5	Báý pháy Nằ		
45	162520594	Trịnh Thị Thảo	Nguyên	B16QNH	8.5		7		7.6				7.6	7.6	Báý pháy Sầ		
46	162520596	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	B16QNH	10		10		7.4				7.8	8.1	Tầm pháy Mắú		
47	162520597	Trần Thị Kiều	Oanh	B16QNH	7		7		7.4				7.2	7.2	Báý pháy Hằ		
48	162520599	Nguyễn Thị	Phượng	B16QNH	10		7		7				8.1	7.9	Báý pháy Chề		
49	162520600	Lê Phạm Vương	Quỳnh	B16QNH	10		8		8				8	8.2	Tầm pháy Hằ		
50	162520601	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	B16QNH	9.5		8		8.7				7.3	7.9	Báý pháy Chề		
51	162520603	Mai Thị	Tâm	B16QNH	9		9		7.7				8.8	8.6	Tầm pháy Sầ		
52	162520604	Nguyễn Thị Minh	Tâm	B16QNH	6		6		6.5				5.5	5.9	Nằ pháy Chề		
53	162520611	Thái Thị Xuân	Thảo	B16QNH	9		8		6.2				5.3	6.2	Sầú pháy Hằ		
54	162520612	Trần Lê Thị Minh	Thảo	B16QNH	7		7		7.5				V	0.0	Khằ		
55	162520614	Phạm Đức	Thọ	B16QNH	7		7		6.5				6.6	6.7	Sầú pháy Báý		
56	162520617	Huỳnh Thị Song	Thu	B16QNH	10		8		7.4				6.5	7.2	Báý pháy Hằ		
57	162520620	Lê Thị Hà	Thu	B16QNH	8.5		6		8.7				6	6.9	Sầú pháy Chề		
58	162520622	Nguyễn Thị	Thủy	B16QNH	10		4		7.4				5.1	6.1	Sầú pháy Mắú		
59	162520625	Võ Thị	Thủy	B16QNH	9		5		9				7.5	7.8	Báý pháy Tầ		
60	162520626	Bùi Thị	Thúy	B16QNH	10		8		7				4.8	6.2	Sầú pháy Hằ		
61	162520627	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Khằ		
62	162520629	Nguyễn Thị Hoài	Thương	B16QNH	8		7		7.6				5.3	6.3	Sầú pháy Bằ		
63	162520632	Trần Thị	Trâm	B16QNH	8.5		6		6.6				6.2	6.5	Sầú pháy Nằ		
64	162520633	Lê Bảo	Trân	B16QNH	5.5		6		6				5.5	5.7	Nằ pháy Báý		
65	162520635	Nguyễn Việt Nhật	Trường	B16QNH	6		4		5.5				5	5.1	Nằ pháy Mắú		
66	162520636	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	B16QNH	10		7		7.7				7	7.5	Báý pháy Nằ		
67	162520637	Trần Thị Ánh	Tuyết	B16QNH	8		4		6.5				5.3	5.7	Nằ pháy Báý		
68	162520638	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	B16QNH	9		9		7				7.7	7.8	Báý pháy Tầ		
69	162520639	Tôn Nữ Phúc	Uyên	B16QNH	8		7		7.4				4.7	5.9	Nằ pháy Chề		
70	162520642	Trần Thái	Vi	B16QNH	8		5		6				4.3	5.2	Nằ pháy Hằ		
71	162520643	Trần Thị Hạnh	Vi	B16QNH	9		6		7				4.6	5.8	Nằ pháy Tầ		
72	162520644	Vĩnh Huyền Hồng	Vi	B16QNH	8		7		7				7	7.1	Báý pháy Mắú		
73	162520647	Nguyễn Hữu	Vũ	B16QNH	4		4		6.5				4.4	4.8	Bầú pháy Tầ		
74	162520648	Nguyễn Thụy Huyền	Vy	B16QNH	10		5		7.5				5.4	6.3	Sầú pháy Bằ		
75	162520651	Hoàng Nguyễn Như	Ý	B16QNH	4		6		6.5				3.1	0.0	Khằ		
76	162520652	Trương Hải	Yến	B16QNH	10		8		8.7				8	8.4	Tầm pháy Bầú		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	70	92%	
2	Số sinh viên nợ	6	8%	
TỔNG CỘNG :		76	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Ngày thi: 30/10/2011

ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ
				10		10		25				55	100	

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú